|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /TTr-SNNMT | *Đồng Nai, ngày tháng 6 năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

DỰ THẢO

**Về việc ban hành Quyết định quy định một số nội dung về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ, nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

- Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

- Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Việc thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 06/9/2023, tuy nhiên đến nay một số nội dung đã được điều chỉnh bởi Nghị định số 91/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; một số nội dung còn phù hợp nhưng cần thiết phải điều chỉnh do thay đổi bởi tình hình mới: tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của một số địa phương, đơn vị thay đổi do sáp nhập, hợp nhất cũng như việc tổ chức triển khai thực hiện chính quyền hai cấp. Cụ thể như sau:

2.1. Quy định các nội dung theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP

Ngày 18/7/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 91/2024/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, trong đó một số nội dung do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, cụ thể:

- Tại điểm c khoản 2 mục III phụ lục VII của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương và hệ số K được quy định tại khoản 2 Mục III Phụ lục này, quy định, hướng dẫn áp dụng các hệ số K thành phần trên địa bàn tỉnh”.

- Tại khoản 4 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ*. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

- Tại khoản 5 Điều 59 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp tối thiểu bằng 1% tổng doanh thu thực hiện trong kỳ*. Trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, mức chi trả cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

- Tại khoản 3 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP quy định: “Cơ sở sản xuất công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp sử dụng nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc các ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Nghị định này. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh sách, nguồn nước có sử dụng dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu đối với cơ sở sản xuất công nghiệp phải trả tiền trên địa bàn tỉnh”.*

- Tại khoản 3, 4, 6 Điều 57 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP có giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách các tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng bao gồm các đối tượng được quy định tại điểm c, d, e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp.

2.2. Phù hợp với việc sáp nhập các sở ngành, địa phương, đơn vị và việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

Hiện nay tình hình sáp nhập, hợp nhất các Sở ngành, địa phương, đơn vị đã được thực hiện, việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp cũng đang được triển khai; nhiều đơn vị đã thay đổi tên gọi và chức năng, nhiệm vụ. Vì vậy, một số nội dung tại Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND tuy còn hiệu lực nhưng cần được điều chỉnh cho phù hợp.

Để có cơ sở thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP và phù hợp với điều kiện thực tiễn, cần thiết ban hành Quyết định quy định việc thực hiện nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP.

**II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO**

Các nội dung cơ bản của dự thảo cụ thể như sau:

1. Quy định về áp dụng hệ số K: Sau khi điều chỉnh hệ số K1 cách áp dụng hệ số K trên địa bàn tỉnh như sau:

Hệ số K được xác định cho từng lô rừng, làm cơ sở để tính toán mức chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Hệ số K bằng tích số của các hệ số K thành phần.

Các hệ số K thành phần gồm:

- Hệ số K1 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo trữ lượng rừng. Hệ số K1 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng giàu; 0,95 đối với rừng trung bình; 0,90 đối với rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng chưa có trữ lượng, rừng tre nứa, rừng không phân chia trữ lượng và rừng trồng. Tiêu chí trữ lượng rừng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Hệ số K2 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số K2 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất;

- Hệ số K3 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo nguồn gốc hình thành rừng, gồm rừng tự nhiên và rừng trồng. Hệ số K3 có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng tự nhiên; 0,90 đối với rừng trồng;

- Hệ số K4 điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn được quy định đối với diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng nằm trên địa bàn các xã khu vực I, II, III theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hệ số K4 có giá trị bằng: 1,00 đối với xã thuộc khu vực III; 0,95 đối với xã thuộc khu vực II; 0,90 đối với xã thuộc khu vực I và các xã chưa được Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Quy định về mức sử dụng nước tối thiểu phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

a. Quy định về mức sử dụng nước tối thiểu phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng: các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước cho sản xuất công nghiệp thuộc ngành nghề theo quy định tại Phụ lục VIII Nghị định số 91/2024/NĐ-CP thuộc các trường hợp khai thác tài nguyên nước phải có giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ về Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng, mức sử dụng nước tối thiểu cụ thể như sau:

- Đối với nước dưới đất: tối thiểu 10 m3/ngày đêm.

- Đối với nước mặt: tối thiểu 100 m3/ngày đêm.

Khối lượng nước để tính tiền dịch vụ môi trường rừng là khối lượng nước cơ sở sản xuất đã sử dụng, tính theo đồng hồ đo nước hoặc theo lượng nước được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc theo chứng từ mua bán nước giữa cơ sở sản xuất công nghiệp với đơn vị kinh doanh nước.

b. Quy định về mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí quy định tại điểm d khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp, bao gồm: Các hoạt động dịch vụ lữ hành, vận tải khách du lịch, lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, tham quan, quảng cáo trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Trong trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, mức chi trả bằng 1% doanh thu thực hiện trong kỳ.

- Các cơ sở nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp là tổ chức nuôi trồng thủy sản hoặc liên kết với các hộ gia đình, cá nhân nuôi trồng thủy sản. Trong trường hợp chi trả ủy thác thông qua Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai, mức chi trả bằng 1% doanh thu thực hiện trong kỳ.

3. Quy định về tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng

a) Quy định về tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng: Quy định về số lần tam ứng tiền dịch vụ môi trường rừng và tỷ lệ tạm ứng đã được quy định tại Điều 4 của Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND. Tuy nhiên do thay đổi tên đơn vị thực hiện là Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đồng Nai thành Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai nên cần điều chỉnh nội dung trên cho phù hợp, cụ thể:

Căn cứ kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai chi tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trong năm cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Số lần tạm ứng: 02 lần, được thực hiện vào tháng 7 và tháng 12 hằng năm. Tổng số tiền tạm ứng không quá 70% số tiền dự kiến chi trả theo kế hoạch được duyệt.

Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai gửi văn bản hướng dẫn thủ tục tạm ứng cho các đơn vị cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

4. Thành lập Tổ chi trả cấp xã

Tại Điều 5 của Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND đã quy định về trách nhiệm của Tổ chi trả cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã có hoạt động liên quan đến chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tuy nhiên, từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động (bỏ cấp huyện), do đó cần điều chỉnh nội dung này cho phù hợp, cụ thể:

Đối với các xã có diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng thì Ủy ban nhân dân xã sẽ thành lập Tổ chi trả cấp xã do lãnh đạo xã làm tổ trưởng. Hàng năm, Tổ chi trả cấp xã có nhiệm vụ hỗ trợ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai thực hiện các nhiệm vụ:

- Hỗ trợ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai kiểm tra lập hồ sơ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã;

- Hỗ trợ Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trong việc lập tài khoản để thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng bằng tài khoản ngân hàng hoặc giao dịch thanh toán điện tử đến chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã;

- Thông tin đến Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về sự thay đổi tài khoản, diện tích, hiện trạng rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã.

- Xác định diện tích rừng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, xây dựng bản đồ chi trả, tuyên truyền phổ biến chính sách. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai sẽ hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã thực hiện các nội dung trên.

Tổ chi trả cấp xã có sự thay đổi nhân sự do luân chuyển công tác hoặc về hưu, Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ kiện toàn nhân sự Tổ chi trả cấp xã, thông báo về Quỹ Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

*(chi tiết tại dự thảo Quyết định kèm theo)*

Trên đây là Tờ trình dự thảo Quyết định quy định một số nội dung về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - Như trên;  - Sở Tư pháp;  - Giám đốc, các P. Giám đốc Sở;  - Lưu: VT, VP. | **GIÁM ĐỐC** |